

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

LÊ VĂN CHÍ

**QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG
TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH
XÃ HỘI TỈNH GIA LAI**

**Chuyên ngành : Quản trị kinh doanh
Mã số : 60.34.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2011

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Đoàn Gia Dũng

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Như Liêm

Phản biện 2: GS.TSKH. Lê Du Phong

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 10 tháng 10 năm 2011.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong kinh doanh ngân hàng, hoạt động tín dụng là nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu đem lại nguồn thu nhập lớn nhất cũng là hoạt động có rủi ro lớn nhất cho mỗi ngân hàng thương mại. Rủi ro tín dụng là rủi ro từ phía người vay, chính vì vậy rủi ro tín dụng là bạn đồng hành trong kinh doanh, có thể đề phòng, hạn chế chứ không thể loại trừ. Việc ngân hàng đưng đầu với rủi ro tín dụng là điều không thể tránh khỏi, vấn đề là làm thế nào để hạn chế rủi ro ở một tỷ lệ thấp nhất có thể chấp nhận được. Chính vì vậy, trong quản trị hoạt động ngân hàng thì quản trị rủi ro tín dụng là nhiệm vụ quan trọng, ngân hàng phải bằng nhiều biện pháp tác động để hạn chế tối đa những tổn thất tín dụng, góp phần thực hiện mục tiêu kinh doanh, cân đối giữa lợi nhuận mang lại và rủi ro dự kiến có thể xảy ra.

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) là một tổ chức tín dụng đặc biệt. Hoạt động tín dụng chính sách là nhiệm vụ quan trọng quyết định đến vai trò của NHCSXH trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách của NHCSXH là những hộ nghèo, hộ gia đình chính sách sống ở các vùng đặc biệt khó khăn, các xã vùng sâu, vùng xa. Do đó, rủi ro trong công tác tín dụng NHCSXH dễ xảy ra và ở mức độ lớn nhất trong các hoạt động của ngân hàng.

Thực tế hoạt động của NHCSXH tỉnh Gia Lai hiện nay, với qui mô tín dụng ngày càng tăng cao, khối lượng khách hàng ngày càng lớn, các chương trình tín dụng ngày càng nhiều, không những phục vụ đối tượng hộ nghèo, vùng nghèo mà còn mở rộng cho vay các hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, phục vụ nông

nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, khi quy mô tín dụng tăng cao nhưng năng lực quản lý chưa theo kịp, còn nhiều hạn chế, bất cập, tình hình nợ quá hạn có xu hướng tăng cao đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả tín dụng, đặc biệt với phương thức cấp tín dụng của NHCSXH chủ yếu là ủy thác qua các tổ chức chính trị xã hội như Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. thực hiện một số công đoạn trong quy trình nghiệp vụ tín dụng, vốn vay được thực hiện chủ yếu là hình thức tín chấp qua các tổ chức chính trị xã hội. Do vậy công tác kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, quản trị rủi ro tín dụng cần phải được chú trọng, đảm bảo hoạt động tín dụng mang lại hiệu quả thực sự, góp phần vào việc bảo toàn và phát triển vốn, từng bước đưa hoạt động của NHCSXH phát triển bền vững.

Mặt khác, NHCSXH tỉnh Gia Lai ra đời và đi vào hoạt động được hơn bảy năm, đây là lĩnh vực còn nhiều mới mẻ, chưa có kinh nghiệm thực tiễn, chưa được nghiên cứu đầy đủ. Vấn đề quản trị rủi ro tín dụng, đảm bảo cung ứng vốn có hiệu quả cho các đối tượng thụ hưởng của NHCSXH trên địa bàn tỉnh Gia Lai cần được quan tâm hàng đầu, đây là vấn đề cấp thiết cần được nghiên cứu để sớm thực thi. Xuất phát từ lý do nêu trên tôi chọn đề tài : **Quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sỹ kinh tế của mình. Qua đó giúp cho bản thân nắm bắt đầy đủ hơn, bao quát hơn hoạt động tín dụng tại NHCSXH tỉnh Gia Lai để có những giải pháp hữu hiệu nhằm quản trị rủi ro tín dụng có thể áp dụng trong công việc thực tế của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu, hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động của Ngân hàng nói chung, NHCSXH nói riêng.

Nghiên cứu, phân tích và đánh giá đúng thực trạng rủi ro tín dụng của NHCSXH, Khảo sát, đánh giá quy trình nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ rủi ro trên cơ sở đó rút ra những mặt được, chưa được cùng những nguyên nhân tồn tại, nhận thức được những bất cập trong quản lý tín dụng, những nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến rủi ro tín dụng, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của NHCSXH.

Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị về công tác quản trị rủi ro tín dụng, nhằm nâng cao hiệu quả cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu quản trị rủi ro trong hoạt động của ngân hàng là một đề tài lớn. Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu một số vấn đề về việc nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế thấp nhất những rủi ro trong việc triển khai cho vay các chương trình tín dụng tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai. Thông tin và số liệu thống kê dùng để nghiên cứu chủ yếu trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu hoạt động tín dụng đối với hộ nghèo, hộ sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ của NHCSXH trong tỉnh Gia Lai

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu các vấn đề một cách logic, khoa học, đồng thời vận dụng các phương pháp cụ thể khác như: thu thập, phân tích, so sánh, tổng hợp, phương pháp tiếp

cận hệ thống nêu vấn đề, diễn giải, phân tích và đưa ra kết luận. Bên cạnh đó luận văn còn sử dụng phương pháp thống kê, phân tích thống kê, minh họa công thức, giải thích các vấn đề vừa nêu để trình bày các vấn đề lý luận và thực tiễn

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1 giới thiệu tổng quan về rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng ngân hàng.

Chương 2 nêu thực trạng hoạt động tín dụng và công tác quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai

Chương 3 đề xuất giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG VÀ
QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG

1.1 Tín dụng và rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại

1.1.1 Tín dụng ngân hàng

1.1.1.1 Khái niệm về tín dụng ngân hàng

1.1.1.2. Phân loại tín dụng ngân hàng

1.1.2. Rủi ro tín dụng ngân hàng

1.1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh NH là những biến cố không mong đợi khi xảy ra, dẫn đến tổn thất về tài sản của NH, giảm sút lợi nhuận thực tế so với dự kiến hoặc phải bỏ ra thêm một khoản chi phí để có thể hoàn thành được một nghiệp vụ tài chính nhất định.

1.1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng ngân hàng:

Tùy theo mục đích, yêu cầu nghiên cứu mà có cách phân loại RRTD phù hợp:

- Nếu phân loại theo tính khách quan, chủ quan của nguyên nhân gây ra rủi ro thì RRTD được phân thành rủi ro khách quan và rủi ro chủ quan.
- Nếu căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro thì RRTD được phân thành các loại: rủi ro giao dịch, rủi ro danh mục.

1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng

1.1.3.1. Nhân tố từ phía khách hàng

1.1.3.2. Nhân tố từ môi trường bên ngoài

1.1.3.3. Nhân tố từ phía các ngân hàng

1.1.4. Thiệt hại do rủi ro tín dụng

1.1.4.1. Thiệt hại đến hoạt động của ngân hàng

1.1.4.2. Thiệt hại đối với kinh tế xã hội.

1.2. Quản trị rủi ro tín dụng

Quản trị RRTD là quá trình ngân hàng sử dụng tổng thể các biện pháp tác động đến hoạt động tín dụng thông qua bộ máy và công cụ quản lý để phòng ngừa, cảnh báo, đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc không thu đầy đủ cả gốc và lãi của khoản vay hoặc thu gốc lãi không đúng hạn đã thỏa thuận. Quản trị RRTD nhằm phòng ngừa và kiểm soát rủi ro tín dụng, xác định rủi ro có thể xảy ra ở mức lường trước được. Quản trị rủi ro có hiệu quả cho phép các NHTM hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất, có thể bằng hoặc thấp hơn mức tổn thất dự kiến, đảm bảo lợi nhuận mang lại theo kế hoạch cho NHTM.

Quản trị RRTD được thực hiện theo một qui trình gồm các bước sau: Nhận diện RRTD, đo lường RRTD, kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro.

1.2.1 Nhận diện rủi ro tín dụng

Nhận diện các dấu hiệu rủi ro là một trong những khâu quan trọng nhất trong quy trình quản lý RRTD. Trên cơ sở những dữ liệu thu thập được, tiến hành so sánh với các tiêu chuẩn, tham khảo dự báo sự phát triển của các ngành nghề, mô hình chấm điểm, xếp loại từng khách hàng để có những cảnh báo sớm, nhận diện được RRTD tiềm ẩn

1.2.1.1 Các dấu hiệu từ người vay

1.2.1.2. Các dấu hiệu từ phía ngân hàng

1.2.2. Đo lường rủi ro tín dụng

Đo lường rủi ro là điều mà tất cả những nhà quản lý ngân hàng rất quan tâm, vì nếu đo lường được thì việc phòng ngừa trở nên dễ dàng hơn.

- Để đo lường rủi ro, cần thu thập số liệu và phân tích, đánh giá:

+ Tần suất xuất hiện của rủi ro - số lần xảy ra tổn thất hay khả năng xảy ra biến cố nguy hiểm đối với ngân hàng trong một khoảng thời gian nhất định (thường là năm, quý, tháng...).

+ Mức độ nghiêm trọng của rủi ro - tổn thất, mất mát, nguy hiểm

1.2.2.1 Các chỉ tiêu phản ánh rủi ro tín dụng

Để đánh giá chất lượng tín dụng của KH, người ta thường dùng chỉ tiêu nợ quá hạn, nợ xấu và kết quả phân loại nợ.

- ❖ Hệ số nợ quá hạn
- ❖ Tỷ lệ nợ xấu

1.2.2.2. Các phương pháp đo lường rủi ro tín dụng

a. Mô hình định tính – Mô hình 6C

b. Mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng

- ❖ Xếp hạng của Moody's và Standard & Poor's
- ❖ Mô hình điểm số Z
- ❖ Mô hình điểm số tín dụng tiêu dùng

1.2.3 Phòng ngừa, giảm thiểu, kiểm soát rủi ro

1.2.3.1. Phòng ngừa rủi ro tín dụng: Để phòng ngừa RRTD, các NHTM thường tập trung vào một số công việc sau:

- Thẩm định khách hàng vay vốn
- Xếp hạng tín dụng
- Chấm điểm tín dụng
- Phân tích và thẩm định tín dụng
- Dự báo rủi ro tín dụng có thể xảy ra, để chủ động lường trước, phòng ngừa

- Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ tín dụng:

1.2.3.2. Giảm thiểu rủi ro tín dụng

- Thực hiện phân tán rủi ro
- Đa dạng hóa các phương thức cho vay
- Bảo hiểm tín dụng
- Đảm bảo tín dụng

1.2.3.3. Kiểm soát rủi ro tín dụng

Kiểm soát rủi ro tín dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Xây dựng chiến lược khách hàng đúng đắn hiệu quả
- Chính sách tín dụng chặt chẽ, rõ ràng
- Thiết lập bộ máy quản trị rủi ro
- Tuyển chọn đào tạo và sử dụng cán bộ
- Theo dõi giám sát việc sử dụng vốn vay

1.2.4 Tài trợ rủi ro tín dụng

- Trích lập dự phòng
- Xử lý rủi ro tín dụng

- Thu hồi các khoản nợ đã xử lý rủi ro

1.3. Kinh nghiệm quản trị rủi ro tín dụng chính sách của các nước trên thế giới

1.3.1. Mô hình Ngân hàng Grameen

1.3.2. Hệ thống tổ chức tín dụng chính sách của Nhật Bản

1.3.3. Ngân hàng phát triển nông nghiệp Thái Lan (BAAC)

1.3.4. Một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH GIA LAI

2.1. Giới thiệu chung về chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai thành lập theo Quyết định số 58/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (HĐQT-NHCSXH) trên cơ sở tổ chức lại NHPVNg, tách ra từ NHNo&PTNT tỉnh Gia Lai .

Về mạng lưới tổ chức chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai đến 31/12/2010 gồm 1 Hội sở tỉnh và 16 Phòng giao dịch huyện, thị và 192 điểm giao dịch xã, phường. Điều hành tác nghiệp của chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai có Ban Giám đốc và các phòng chuyên môn. Các Phòng giao dịch ở huyện, thị cũng được tổ chức, bố trí giao dịch trực tiếp với khách hàng để huy động vốn cho vay, thu nợ, thu lãi.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Bộ máy tổ chức chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai gồm:

- Giám đốc tỉnh
- Các Phó Giám đốc
- Phòng Kiểm tra – KTNB
- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ
- Phòng Tổ chức- Hành chính
- Phòng Kế toán Ngân quỹ:
- Phòng Tin học
- Các phòng giao dịch trực thuộc

2.1.3. Cơ cấu nhân sự

2.1.4. Cơ chế tín dụng

* Đối tượng khách hàng: Chi nhánh NHCSXH Gia Lai thực hiện cho vay các đối tượng khách hàng, các dự án phát triển, các đối tượng đầu tư theo chỉ định của Chính phủ

* Phương thức cho vay và giải ngân vốn:

Việc cho vay của NHCSXH được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức chính trị - xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến người vay

2.2. Kết quả hoạt động tín dụng của chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai

2.2.1. Tình hình nguồn vốn và sử dụng vốn

Bảng 2.1: Tình hình huy động nguồn vốn qua các năm tại chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh Gia Lai

| CHỈ TIÊU | 2006 (Tr.đ) | 2007 (Tr.đ) | 2008 (Tr.đ) | 2009 (Tr.đ) | 2010 (Tr.đ) |
|--------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 1. Nguồn TW | 461.661 | 701.903 | 1.071.454 | 1.472.672 | 1.772.084 |
| 2. Nguồn đ phương | 34.559 | 30.331 | 33.372 | 35.576 | 52.208 |
| 3. N sách bàn giao | 5.932 | 5.807 | 5.710 | 5.690 | 5.690 |
| Tổng nguồn | 502.152 | 738.041 | 1.110.536 | 1.513.938 | 1.829.982 |

Bảng 2.2: Tình hình dư nợ cho vay qua các năm tại chi nhánh Ngân hàng CSXH tỉnh Gia Lai

| CHỈ TIÊU | 2006 (Tr.đ) | 2007 (Tr.đ) | 2008 (Tr.đ) | 2009 (Tr.đ) | 2010 (Tr.đ) |
|------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Dư nợ theo loại vay | 496.178 | 734.961 | 1.098.865 | 1.467.182 | 1.770.640 |
| - Dư nợ ngắn hạn | 136.641 | 177.201 | 212.231 | 230.720 | 189.884 |
| - Dư nợ trung, dài hạn | 359.537 | 557.760 | 886.634 | 1.236.462 | 1.580.756 |

Qua biểu trên cho thấy tình hình cho vay, thu nợ, dư nợ tăng nhanh và ổn định qua các năm:

Tổng dư nợ đến cuối năm 2010 là 1.770,64 tỷ đồng, tăng so với năm 2006 là 1.274,4 tỷ đồng, bình quân mỗi năm tăng 254,8 tỷ đồng,

2.2.2. Về kết quả tài chính

Là một định chế tài chính đặc thù, hoạt động của NHCSXH không vì mục đích lợi nhuận, được nhà nước đảm bảo khả năng thanh toán; tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng 0% (không phần trăm), không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

NHCSXH được nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và chi phí quản lý hằng năm. NHCSXH có trách nhiệm sử dụng vốn đúng

mục đích, đúng đối tượng, thực hiện bảo tồn và phát triển vốn, bù đắp chi phí và rủi ro hoạt động theo quy định.

Chi nhánh NHCSXH Gia Lai trong 5 năm qua, đã thực hiện tốt việc quản lý nguồn vốn cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi của Chính phủ, tận thu lãi và các khoản nợ còn tồn đọng.

Kết quả tài chính qua 5 năm hoạt động như sau:

Bảng 2.3: Kết quả hoạt động tài chính qua các năm 2006-2010

Đvt: triệu đồng

| CHỈ TIÊU | 2006 (Tr.đ) | 2007 (Tr.đ) | 2008 (Tr.đ) | 2009 (Tr.đ) | 2010 (Tr.đ) |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1. Tổng thu nhập | 23.821 | 39.446 | 68.227 | 89.160 | 113.895 |
| 2. Tổng chi phí | 21.200 | 33.985 | 38.124 | 55.874 | 65.830 |
| - Chi trích rủi ro tín dụng | 99 | 145 | 220 | 293 | 354 |
| 3. Chênh lệch thu chi: | 2.621 | 5.461 | 30.103 | 33.286 | 48.065 |

2.3. Thực trạng rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai

2.3.1 Thực trạng rủi ro tín dụng tại Chi nhánh

2.3.1.1. Biểu hiện rủi ro tín dụng

Bảng 2.7: Thực trạng nợ xấu qua các năm tại Chi nhánh

Đvt triệu đồng

| CHỈ TIÊU | 2006 (Tr.đ) | 2007 (Tr.đ) | 2008 (Tr.đ) | 2009 (Tr.đ) | 2010 (Tr.đ) |
|------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1. Tổng dư nợ cho vay | 496.178 | 734.961 | 1.098.865 | 1.467.182 | 1.770.640 |
| 2. Nợ xấu | 16.243 | 15.927 | 15.374 | 14.921 | 18.328 |
| - Nợ quá hạn | 7.429 | 9.544 | 10.981 | 10.025 | 16.760 |
| - Nợ khoanh | 8.814 | 6.383 | 4.393 | 4.887 | 1.568 |
| 3. Tỷ lệ nợ xấu/ dư nợ | 3,27% | 2,16% | 1,4% | 1% | 1% |

(Nguồn: báo cáo tổng kết hoạt động hằng năm của NHCSXH Gia Lai)

2.3.1.2 Nguyên nhân của rủi ro tín dụng

a) Rủi ro từ môi trường nội bộ

b) Rủi ro từ tác động bên ngoài

2.3.2. Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh

2.3.2.1 Công tác tổ chức bộ máy quản lý rủi ro tín dụng

2.3.2.2. Công tác thông tin và dự báo RRTD

2.3.2.3. Công tác xây dựng chính sách quản trị rủi ro tín dụng

2.3.2.4 Quy trình và thủ tục giám sát tín dụng, thu nợ, thu lãi

2.3.2.5. Đánh giá, đo lường, xác định rủi ro tín dụng

2.3.3. Các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng

2.3.3.1. Chấp hành nghiêm túc quy trình cho vay

2.3.3.2. Nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn của CBTD

2.3.3.3. Thực hiện chế độ bảo đảm tiền vay

2.3.3.4. Thực hiện mức cho vay, lãi suất cho vay theo qui định

2.3.3.5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát

2.4. Đánh giá chung về công tác quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai

2.4.1. Những mặt làm được

Là một tổ chức tín dụng đặc thù vừa mới được thành lập, hoạt động trong những điều kiện hết sức khó khăn từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến con người nhưng hoạt động tín dụng luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện của lãnh đạo Đảng, chính quyền, sự ủng hộ tích cực của các cơ quan, ban ngành các cấp trên địa bàn.

2.4.2 Những mặt tồn tại, hạn chế

- Hệ thống NHCSXH nói chung và chi nhánh nói riêng hoạt động theo quy định của Chính phủ, không hoạt động theo cơ chế thị trường. Vì thế, việc đánh giá, phân tích tình hình kinh doanh, nghiên cứu khách hàng rất hạn chế, thiếu chính xác dẫn đến rủi ro tín dụng không thể tránh khỏi.

- Quản lý rủi ro tín dụng trong hoạt động tại chi nhánh NHCSXH Gia Lai nhìn chung còn khá mới mẻ. Do vậy mà trong cơ cấu tổ chức cũng như bộ máy quản lý chưa có bộ phận độc lập có chức năng chính về quản trị rủi ro và phòng ngừa cũng như đào tạo cán bộ đủ năng lực xem xét vấn đề này.

- Bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ tại chi nhánh hoạt động hiệu quả chưa cao, chưa thực sự phát huy hết vai trò chức năng trong việc kiểm soát và cảnh báo rủi ro.

Tóm lại, trong thời gian qua chi nhánh NHCSXH tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng mô hình quản trị rủi ro tín dụng nhằm từng bước xây dựng ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã phân tích trên, nên công tác quản trị rủi ro của chi nhánh NHCSXH cũng còn nhiều hạn chế, chưa thực sự phát huy hết vai trò quản trị rủi ro cho hoạt động tín dụng của chi nhánh. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị rủi ro tín dụng của chi nhánh NHCSXH tỉnh để nó thực sự là công cụ đắc lực cho Ban lãnh đạo ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng hiệu quả.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH GIA LAI

3.1. Sự cần thiết phải quản trị rủi ro tín dụng trong hoạt động của NHCSXH

3.1.1. Bối cảnh của Ngân hàng Việt Nam hiện nay

Việc nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tại các NHTM Việt Nam nói riêng và hệ thống ngân hàng nói chung đang là vấn đề bức xúc cả trên phương diện lý thuyết và thực tiễn.

3.1.2. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng tín dụng tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Gia Lai

Từ thực tế hoạt động tín dụng của chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai cho thấy chất lượng tín dụng trong những năm qua (từ năm 2006 đến nay) đã không ngừng được nâng cao và cải thiện, tỷ lệ nợ xấu giảm đáng kể nhưng những rủi ro và bất cập trong hoạt động tín dụng ngân hàng còn rất lớn. Những tồn tại và bất cập trong công tác quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh NHCSXH Gia Lai có thể được khái quát ở những điểm chính như sau:

Thứ nhất, về chất lượng hoạt động của tổ TK&VV

Thứ hai, về năng lực quản lý, điều hành của các đơn vị nhận uỷ thác

Thứ ba, một bộ phận cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và các hội, đoàn thể nhận thức chưa đầy đủ nhiệm vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách

Thứ tư, công tác tổ chức đào tạo và đào tạo lại tay nghề cho cán bộ xã, phường, cán bộ hội, đoàn thể, tổ TK&VV chưa quan tâm đúng mức

Thứ năm, việc cho vay vốn chưa có sự lồng ghép với nội dung tập huấn những kiến thức về khoa học kỹ thuật, hướng dẫn chăn nuôi trồng trọt.

Thứ sáu, chất lượng cán bộ làm công tác tín dụng còn hạn chế

Thứ bảy, yếu tố thị trường cũng ảnh hưởng đến hoạt động của NHCSXH

3.2. Định hướng công tác quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai

3.3. Giải pháp hoàn thiện quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh NHCSXH tỉnh Gia Lai

3.3.1. Giải pháp hoàn thiện công tác thẩm định tín dụng

Để hạn chế rủi ro tín dụng, NHCSXH phải thẩm định kỹ lưỡng hồ sơ xin vay của khách hàng nhằm chọn ra được hồ sơ có độ an toàn cao. Thẩm định hồ sơ cho vay có ý nghĩa quan trọng, được coi là giai đoạn khởi đầu quan trọng nhất cho quá trình đầu tư tín dụng, qua thẩm định mà đánh giá chính xác về sự cần thiết, tính khả thi của dự án và hiệu quả của nó, nhờ đó có biện pháp để quản lý tốt quá trình cho vay, thu nợ nhằm hạn chế các rủi ro, nâng cao hiệu quả đầu tư tín dụng.

3.3.1.1 Các yếu tố cần thiết khi thẩm định dự án

3.3.1.2. Quy trình thẩm định tín dụng

3.3.2. Giải pháp về cơ chế cho vay

3.3.2.1. Về điều kiện cho vay

- Đối với chương trình cho vay hộ nghèo
- Đối với chương trình cho vay giải quyết việc làm

3.3.2.2. Về cơ chế lãi suất cho vay

Qua kinh nghiệm của các tổ chức tài chính vi mô trên thế giới cho thấy, áp dụng lãi suất cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo cơ chế thị trường, để bù đắp các chi phí hoạt động và chi phí vốn trên cơ sở xác định được rằng khách hàng sẵn sàng chấp nhận mức lãi suất này để được tiếp cận với các dịch vụ tài chính đơn giản và thuận tiện

Do đó, lãi suất cho vay của NHCSXH từng bước hướng theo lãi suất thị trường theo cơ chế: Lãi suất cho vay của NHCSXH = lãi suất huy động tiền gửi < Lãi suất cho vay ở thị trường hoặc lãi suất huy động tiền gửi < Lãi suất cho vay của NHCSXH < Lãi suất cho vay ở thị trường.

3.3.3. Giải pháp tăng cường chất lượng hoạt động của đơn vị nhận uỷ thác và tổ TK&VV

3.3.3.1 Nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị nhận uỷ thác

Cơ chế uỷ thác qua các tổ chức chính trị - xã hội là cơ chế được lựa chọn để vừa tiếp nhận việc bàn giao và triển khai ngay các chương trình tín dụng của Nhà nước không bị gián đoạn và ách tắc. Đây là một sáng tạo phù hợp với thực tiễn, phù hợp với tôn chỉ mục đích hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, phù hợp với tính chất chính trị - xã hội của tín dụng chính sách.

3.3.3.2. Cùng cố chất lượng hoạt động của Tổ Tiết kiệm và vay vốn

3.3.3.3. Đánh giá và xếp hạng chất lượng hoạt động của Tổ TK&VV

3.3.3.4. Giải pháp kiểm tra đối chiếu trực tiếp hộ vay vốn

3.3.4. Giải pháp đánh giá, phân loại khách hàng

Để hạn chế rủi ro tín dụng, việc đánh giá phân loại khách hàng là hết sức cần thiết, trên cơ sở đánh giá, phân loại khách hàng, ngân hàng sẽ có chính sách tín dụng cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khách hàng. Do hoạt động kinh doanh của khách hàng luôn biến động, vì vậy việc thu nhập thông tin, đánh giá khách hàng phải thường xuyên để có chính sách linh hoạt, phù hợp với từng thời kỳ cụ thể.

3.3.5. Giải pháp xử lý các khoản nợ xấu.

3.3.5.1. Hoàn thiện việc đánh giá chất lượng các khoản nợ

Để đánh giá chất lượng tín dụng, chi nhánh NHCSXH cần phải xếp loại các khoản nợ quá hạn và các khoản nợ trong hạn đối với chương trình cho vay trực tiếp theo bảng xếp hạng với mục đích phát hiện sớm các dấu hiệu rủi ro của khách hàng để hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh hoặc phối hợp hành động và đồng thời trích lập dự phòng chính xác hơn. Khi đó quy trình xếp hạng tín dụng kết hợp với quy trình xếp hạng nợ sẽ tạo bước khởi đầu hoàn thiện quản lý rủi ro tín dụng cho toàn bộ dư nợ tín dụng đối với chương trình cho vay tại chi nhánh NHCSXH.

3.3.5.2. Quản lý chặt chẽ và xử lý nhanh chóng các khoản nợ xấu

Đối với các khoản nợ được phân loại vào nợ xấu thì trong vòng 30 ngày làm việc, bộ phận tín dụng phải phối hợp với bộ phận chuyên trách xử lý nợ để tập trung theo dõi, xử lý:

- Xem xét lại tất cả các loại hồ sơ vay vốn và hồ sơ tài sản bảo đảm, khi cần thiết có thể bổ sung, hoàn thiện các giấy tờ và tài sản đó nhằm bảo đảm tính pháp lý hồ sơ vay vốn ngân hàng.

- Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, có thể thực hiện tái cơ cấu lại nợ trong một khoảng thời gian thích hợp.

- Tiến hành giám sát chặt chẽ và kiểm tra thường xuyên hơn đối với khoản nợ này.

- Trường hợp cần thiết sẽ tiến hành các thủ tục pháp lý để phát mãi nhanh tài sản đảm bảo thu hồi nợ, không để nợ quá hạn kéo dài.

3.3.5.3. Thực hiện trích lập dự phòng rủi ro

Việc trích lập dự phòng rủi ro nhằm tạo nguồn quan trọng cho việc xử lý các khoản nợ tồn đọng khó thu hồi nhằm làm lành mạnh hoá tài chính ngân hàng. Hiện nay việc trích lập dự phòng rủi ro của chi nhánh chủ yếu được tính theo mức cố định là 0,02% trên tổng dư nợ bình quân năm, điều này chưa phản ánh được thực trạng chất lượng các khoản vay.

3.3.6. Xây dựng bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ hữu hiệu

Hoạt động kiểm tra kiểm soát cần được đổi mới về nội dung và phương pháp kiểm tra nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động trong giai đoạn hội nhập. Nghiệp vụ ngân hàng ngày càng được mở rộng do đó phải tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để có thể ngăn ngừa những tổn thất do các rủi ro xảy ra. Muốn vậy bộ phận kiểm tra kiểm soát nội bộ phải đủ mạnh về số lượng và chất lượng để có thể bao quát được tất cả các nghiệp vụ ngân hàng, nhất là nghiệp vụ tín dụng.

3.3.7. Giải pháp hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy quản lý

3.3.7.1. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý (trưởng phó phòng, ban giám đốc)

3.3.7.2. Nâng cao năng lực trình độ nghiệp vụ, trình độ quản lý khách hàng của cán bộ tín dụng

Năng lực của đội ngũ cán bộ tín dụng gồm cả trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp là vấn đề then chốt ảnh hưởng quyết định đến chất lượng tín dụng.

* Yêu cầu về trình độ chuyên môn

* Yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp

3.3.7.3. Công tác đào tạo, tuyển dụng, bồi dưỡng nghiệp vụ, chế độ tiền lương, đãi ngộ

3.3.7.4. Giải pháp về công nghệ, đầu tư hệ thống hiện đại hoá ngân hàng

3.4. Một số kiến nghị

3.4.1 Kiến nghị với Chính phủ

3.4.2 Kiến nghị với các Bộ, Ngành

3.4.3 Kiến nghị với NHCSXH Việt Nam

3.4.4 Kiến nghị với Ủy ban nhân dân các cấp

KẾT LUẬN

Trong kinh doanh ngân hàng ở nước ta cũng như thông lệ các nước trên thế giới việc ngân hàng đương đầu với rủi ro tín dụng là điều không thể tránh khỏi. Do đó, yêu cầu xây dựng một mô hình quản trị rủi ro tín dụng có hiệu quả và phù hợp với từng ngân hàng là một đòi hỏi bức thiết để đảm bảo hạn chế rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng, hướng đến các chuẩn mực quốc tế trong quản trị rủi ro và phù hợp với môi trường hội nhập.

P. Volker, cựu Chủ tịch Cục dự trữ liên bang Mỹ(FED) cho rằng: “ Nếu ngân hàng không có những khoản nợ xấu thì đó không phải là hoạt động kinh doanh” Điều đó cho thấy rủi ro tín dụng luôn tồn tại và nợ xấu là một thực tế hiển nhiên ở bất cứ ngân hàng nào, kể cả các ngân hàng hàng đầu trên thế giới bởi có những rủi ro nằm ngoài tầm kiểm soát của con người[23,17]. Tuy nhiên, sự khác biệt cơ bản của các ngân hàng có năng lực quản trị rủi ro tín dụng là khả năng khống chế nợ xấu ở một tỷ lệ có thể chấp nhận được nhờ xây dựng một mô hình quản trị rủi ro hiệu quả, phù hợp với môi trường hoạt động để hạn chế rủi ro tín dụng mang tính chủ quan, xuất phát từ yếu tố con người và những rủi ro tín dụng khác có thể kiểm soát được.

Đối với mỗi loại hình hoạt động ngân hàng sẽ có những cách ứng xử khác nhau khi xảy ra rủi ro tín dụng bởi mức độ ảnh hưởng về mặt kinh tế, xã hội là khác nhau. Rủi ro tín dụng trong các loại hình NHTM sẽ có tác động rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của tổ chức đó, mức độ ảnh hưởng trực tiếp về mặt hiệu quả kinh tế nhiều hơn về mặt xã hội. Nhưng rủi ro trong hoạt động của NHCSXH có

những nét đặc thù riêng, không những ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh tế mà nó tác động và ảnh hưởng to lớn về mặt xã hội.

Luận văn “Quản trị rủi ro tín dụng tại chi nhánh NHCSXH Gia Lai” tập trung phân tích thực trạng rủi ro tín dụng tại chi nhánh thông qua các quy trình xử lý nghiệp vụ mà bộc lộ những rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của NHCSXH có thể chưa gây nguy hại trước mắt nhưng sẽ gây nhiều trở ngại về lâu dài cho hoạt động của ngân hàng. Luận văn đưa hướng đến chủ yếu là việc hoàn thiện các quy trình hiện tại trong nghiệp vụ ngân hàng nhằm giảm thiểu tối đa những sai sót có tính chủ quan từ các nhân tố bên trong của ngân hàng như cơ chế quản lý, quy trình phê duyệt, thao tác nghiệp vụ, trình độ năng lực của nhân viên, hướng đến việc sử dụng các phương pháp để đo lường được rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng để chủ động trích lập dự phòng rủi ro, có chiến lược định giá cho vay để bù đắp những thiệt hại do các nguyên nhân chủ quan bên ngoài.

Công tác hạn chế rủi ro tín dụng trong NHCSXH là một vấn đề phức tạp, đòi hỏi phải có một quá trình thực nghiệm lâu dài. Do thời gian và khả năng nghiên cứu hạn chế, cũng như số liệu thu thập chưa phản ánh đầy đủ tình hình thực tế tại ngân hàng, luận văn chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết nhất định. Tác giả luận văn rất mong được sự góp ý để tiếp tục có những nghiên cứu sâu rộng hơn trong tương lai.